

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KHÔNG BÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

ĐẮK LẮK - 2021

SỞ GD&ĐT TỈNH ĐẮK LẮK
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KRÔNG BÔNG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Dương Kim Thạch	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Phạm Văn Tâm	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Nguyễn Công Lam	Phó hiệu trưởng	Phó Chủ tịch Hội đồng	
4	Đỗ Văn Trung	Tổ trưởng Tổ chuyên môn	Thư ký Hội đồng	
5	Phan Minh Phước	Giáo viên	Thư ký Hội đồng	
6	Hồ Thị Nguyệt	Phó hiệu trưởng	Ủy viên Hội đồng	
7	Hoàng Minh Quốc	Chủ tịch BCH công đoàn	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt	4
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	5
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	7
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	14
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	17
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	17
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	17
Mở đầu	17
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường	17
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường	19
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng	21
Tiêu chí 1.5: Lớp học	22
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản	24
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên	25
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục	27
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	28
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học	29

<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	31
Tiêu chuẩn 2 : Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh	31
Mở đầu	31
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng	32
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên	33
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên	35
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh	37
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	39
Tiêu chuẩn 3 : Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học	39
Mở đầu	39
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập	40
Tiêu chí 3.2: Phòng học	42
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị	43
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước	44
Tiêu chí 3.5: Thiết bị	45
Tiêu chí 3.6: Thư viện	47
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	48
Tiêu chuẩn 4 : Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	48
Mở đầu	48
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh	49
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường	51
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	53
Tiêu chuẩn 5 : Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục	54
Mở đầu	54
Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông	54

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện	56
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định	57
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp	58
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh	59
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục	61
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	64
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	65
Tiêu chí 1	65
Tiêu chí 2	65
Tiêu chí 3	65
Tiêu chí 4	65
Tiêu chí 5	66
Tiêu chí 6	66
<i>Kết luận</i>	66
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	66
Phần IV. PHỤ LỤC	68

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	✓	Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2.

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	X
Tiêu chí 1.2		X	X	✓
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	X
Tiêu chí 1.5		X	X	X
Tiêu chí 1.6		X	X	X
Tiêu chí 1.7		X	X	✓
Tiêu chí 1.8		X	X	✓
Tiêu chí 1.9		X	X	✓
Tiêu chí 1.10		X	X	✓
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	X
Tiêu chí 2.4		X	X	X
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X	X	X
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X

Tiêu chí 3.4		X	X	✓
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X
Tiêu chí 4.2		X	X	X
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	X
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	✓
Tiêu chí 5.4		X	X	✓
Tiêu chí 5.5		X	X	X
Tiêu chí 5.6		X	X	X

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	
Tiêu chí 6		X	

Kết quả: Không đạt Mức 4

2. Kết luận: Trường đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
KRÔNG BÔNG

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Sở GD&ĐT Đắk Lắk

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	ĐẮK LẮK	Họ và tên hiệu trưởng	Dương Kim Thạch
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Huyện Krông Bông	Điện thoại	02623732533
Xã / phường/thị trấn	Thị Trấn Krông Kmar	Fax	
Đạt CQG		Website	c3krongbong.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1983	Số điểm trường	0
Công lập	√	Loại hình khác	
Tư thực		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
Khối lớp 10	15	13	14	15	12
Khối lớp 11	14	14	13	14	15
Khối lớp 12	13	13	14	12	14

Cộng	42	40	41	41	41
-------------	----	----	----	----	----

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	33	33	33	41	41	
1	Phòng học	33	33	33	41	41	
a	Phòng kiên cố	24	24	24	32	32	
b	Phòng bán kiên cố	9	9	9	9	9	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	3	3	3	8	8	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	8	8	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	

3	Khối phục vụ học tập	3	3	3	12	12	
a	Phòng kiên cố	3	3	3	12	12	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính-quản trị	9	9	9	9	9	
1	Phòng kiên cố	8	8	8	8	8	
2	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	1	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	1	
IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)	2	2	2	2	2	

	Cộng	33	33	33	33	41	
--	-------------	----	----	----	----	----	--

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	0	0	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	3	1	0	0	2	1	
Giáo viên	85	43	7	0	79	6	
Nhân viên	6	4	0	2	4	0	
Cộng	95	48	7	2	86	7	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021
1	Tổng số giáo viên	89	88	88	86	85
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	2.17	2.2	2.14	2.1	2.07
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	0.06	0.05	0.06	0.06	0.056
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	80	80	80	81	80

5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có)	20	20	28	28	28
6	Các số liệu khác (nếu có)					

4. Học sinh

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
1	Tổng số học sinh	1532	1477	1485	1485	1565	
	- Nữ	977	930	911	871	948	
	- Dân tộc	108	141	159	151	154	
	- Khối lớp 10	558	478	537	567	572	
	- Khối lớp 11	490	517	442	492	507	
	- Khối lớp 12	484	482	506	426	486	
2	Tổng số tuyển mới	550	450	520	560	540	
3	Học 2 buổi/ngày	0	0	0	0	0	
4	Bán trú	41	35	40	45	45	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	36.5	36.9	36.2	36.2	38.17	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	1532-100%	1477-100%	1485-100%	1485-100%	100	
	- Nữ	977-100%	930-100%	911-100%	871-100%	100	
	- Dân tộc thiểu số	108-100%	141-100%	159-100%	151-100%	100	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	21	25	18	21	20	

	h (nếu có)						
9	Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có)	1	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	108	141	159	151	144	
	- Nữ	50	67	80	81	75	
	- Dân tộc thiểu số	108	141	159	151	144	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh (trẻ em) khuyết tật, hoà nhập	3	2	2	2	5	
	Các số liệu khác (nếu có)						

b) Kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học 2016-2017	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Ghi chú
Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi	4.11	3.79	5.99	6.6	11.4	
Tỷ lệ học sinh xếp loại khá	34.01	35	35.69	32.19	37.5	
Tỷ lệ học sinh xếp loại trung bình	53.72	53.01	49.02	46.26	42.7	

Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém	8.09	8.19	9.3	14.95	8.49	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm tốt	73.3	75.22	72.12	71.31	76.2	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá	24.02	22.07	26.13	25.12	20.8	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm trung bình	2.61	2.71	1.75	3.5	2.92	
Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu	0	0	0	0.07	0.07	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường THPT Krông Bông được thành lập theo Quyết định số ... ngày 08/7/1983 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Trường nằm trên địa bàn thị trấn Krông Kmar, huyện Krông Bông, thuộc khu vực trung tâm của huyện, cách trung tâm thành phố Buôn Ma Thuột 50km về phía Đông. Trường có diện tích 25.942.2m²; với vị trí địa lý thuận lợi, giao thông thuận tiện, khung cảnh đẹp, độc lập, nhà trường có đủ điều kiện để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh.

Sau gần 40 năm được thành lập, nhà trường không ngừng phát triển đi lên cả về quy mô trường lớp, học sinh, đội ngũ và cơ sở vật chất, dần trở thành địa chỉ tin cậy cho nhân dân huyện Krông Bông nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung. Được sự quan tâm của các cấp, các ngành, Hội CMHS, cùng với sự đóng góp của xã hội, đến nay trường đã được xây dựng khang trang, trường có 32 phòng học đạt chuẩn theo quy định và đang tiếp tục hoàn thành 10 phòng học kiên cố. Các phòng chức năng bao gồm: 05 phòng thực hành tin học với tổng số máy tính là 200 máy, được kết nối Internet; 21 phòng học có trang bị ti vi màn hình lớn; 03 phòng thí nghiệm thực hành Vật lý - KTCN, Hóa học, Sinh - KTNN; 01 phòng thư viện. Đến nay thư viện đã có trên 10000 bản sách tham khảo và sách giáo khoa. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, đảm bảo phục vụ tốt công việc hàng ngày.

Cuối năm học 2020-2021, trường có 95 cán bộ, giáo viên và nhân viên, trong đó Ban Giám hiệu: 04, nhân viên: 06 và giáo viên đứng lớp: 85; Tất cả đều được đào tạo đúng ngành nghề và đều đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên. Có 07 giáo viên có trình độ trên chuẩn, 03 giáo viên đang theo học sau đại học. Hầu hết giáo viên còn trẻ, nhiệt tình, nhạy bén với những đổi mới của ngành. Tuy nhiên, một số giáo viên kinh nghiệm giảng dạy và giáo dục toàn diện học sinh chưa nhiều.

Sau gần 40 năm thành lập, mặc dù còn có nhiều khó khăn, nhưng trường THPT Krông Bông đã nỗ lực cố gắng, từng bước khẳng định uy tín với những nét nổi bật là: Chất lượng các mặt giáo dục năm sau cao hơn năm trước, có một số mặt đã đạt và vượt mặt bằng chung của tỉnh; Nhà trường giáo dục có hiệu quả học sinh yếu về học lực, học sinh hay vi phạm khuyết điểm; giáo dục nhà trường đã tạo sức bật cho học sinh vượt khó, vươn lên bằng sức học của chính mình; cơ sở vật chất tương đối hoàn chỉnh và hiện đại, cảnh quan môi trường hài hòa, xanh, sạch, đẹp; các hoạt động giáo dục, hoạt động trải nghiệm và các phong trào thi đua được tổ chức có hiệu quả, mang tính giáo dục cao và có tác dụng nâng cao chất lượng dạy học.

Phòng học được trang bị đầy đủ bàn ghế, ti vi; phòng làm việc và phòng đa chức năng, từng bước hiện đại hóa các thiết bị dạy học, nhất là hệ thống công nghệ thông tin, đảm bảo cho việc nâng cao chất lượng dạy học.

Những năm qua, trường THPT Krông Bông luôn hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ của mình trong quản lý và hoạt động chuyên môn, tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hiện có hiệu quả các cuộc vận động mang tính xã hội. Xây dựng các tổ chức trong trường ngày càng vững mạnh, chăm lo cho đời sống của cán bộ giáo viên, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của cán bộ giáo viên. Các hoạt động chuyên môn và phong trào luôn là lá cờ đầu trong cụm thi đua.

Công tác chuyên môn luôn được nhà trường xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, luôn chú trọng và đầu tư nhiều cho công tác dạy và học, tổ chức phong trào thi đua dạy tốt học tốt, thao giảng dự giờ, thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng kỷ cương nề nếp dạy và học.

Nhiều hoạt động khác của trường THPT Krông Bông như triển khai phong trào "Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực", không những trong giờ chính khóa, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp và hoạt động giáo dục hướng nghiệp luôn là thế mạnh đạt hiệu quả cao, tham gia tích cực các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ cấp huyện, cấp tỉnh bước đầu đạt nhiều thành tích đáng ghi nhận.

Nhà trường luôn quan tâm đầu tư xây dựng, mua sắm trang thiết bị và các điều kiện hỗ trợ dạy và học, quan tâm chỉ đạo ứng dụng CNTT để góp phần đổi mới phương pháp giảng dạy. Xây dựng sân trường, trồng cây xanh, cây cảnh, bồn hoa nhằm xây dựng môi trường xanh - sạch - đẹp. Xây dựng và tu bổ nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào.

Với loại hình đơn vị sự nghiệp công lập kinh phí hoạt động hoàn toàn phụ thuộc vào nhân sách nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ cho việc dạy và học.

Mục đích tự đánh giá

Kiểm định chất lượng giáo dục nhằm giúp nhà trường xác định mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn, để xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục; thông báo công khai với các cơ quan quản lý nhà nước và xã hội về thực trạng chất lượng của cơ sở giáo dục; để cơ quan quản lý nhà nước đánh giá và công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục còn giúp cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hiểu biết thêm về công tác tự đánh giá. Tự đánh giá công tác quản lý chất lượng của trường THPT Krông Bông theo các tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT là một khâu quan trọng trong công tác quản lý chất lượng của trường.

Khái quát quá trình tự đánh giá

Nhà trường cố gắng quyết tâm thực hiện tốt việc tự đánh giá chất lượng theo 5 tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Qua quá trình tự đánh giá nhận thấy trường THPT Krông Bông đã đạt được nhiều tiêu chí ở mức 3. Tuy nhiên, khi đối chiếu công tác quản lý của nhà trường với các tiêu chí và các chỉ báo của từng tiêu chí của chuẩn đánh giá về trường THPT, chúng tôi nhận thấy còn có một số tiêu chí hoặc một số chỉ báo của tiêu chí mà trường THPT Krông Bông thực hiện chưa thật tốt. Có nhiều nguyên nhân và một số khó khăn khi thực hiện các tiêu chuẩn đánh giá mà trường THPT Krông Bông xin được phân tích để làm rõ hơn.

Thứ nhất: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho dạy học giáo dục tuy đã được nhà trường quan tâm đầu tư, nhưng vẫn còn thiếu và chưa đồng bộ đã ảnh hưởng đến chất lượng dạy học và giáo dục. Đặc biệt thiếu phòng học bộ môn và phòng học chính khóa.

Thứ hai: Chất lượng đầu vào của trường còn thấp, hầu hết học sinh đang bị hổng kiến thức ở cấp dưới. Nhiều học sinh chưa có ý thức trong học tập, chưa xác định đúng đắn động cơ học tập, do đó kết quả học tập chưa cao, không theo kịp chương trình dẫn đến chán nản và bỏ học giữa chừng.

Thứ ba: Đội ngũ giáo viên của trường hầu hết nhiệt tình, năng nổ, có tâm huyết với nghề; bên cạnh đó vẫn còn một số giáo viên lớn tuổi chậm đổi mới phương pháp giảng dạy, nhiều giáo viên trẻ kinh nghiệm công tác chưa nhiều nên cũng gặp một số khó khăn nhất định trong quá trình công tác.

Thứ tư: Mức huy động đóng góp cho nhà trường hầu như không đáng kể, bởi lẽ học sinh hầu hết thuộc vùng nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh. Vì vậy, kinh phí dành cho xây dựng mua sắm trang thiết bị, đầu tư cho các hoạt động giáo dục còn rất hạn chế, điều này cũng làm ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học của trường.

Thứ năm: Công tác xã hội hóa giáo dục đã có chủ trương của Đảng và Nhà nước, nhưng nhận thức của người dân về trách nhiệm đối với nhà trường chưa thật tốt, nhiều gia đình còn chưa quan tâm đến tình hình học tập của con em họ. Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa thường xuyên, chưa đồng bộ.

Thực hiện chỉ đạo của Sở GD&ĐT Đắk Lắk về việc tổ chức kiểm định chất lượng trường học, Hiệu trưởng nhà trường đã ra quyết định thành lập Hội đồng Tự đánh giá. Hội đồng đã xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác tự đánh giá nhà trường căn cứ theo các văn bản: Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; công văn số: 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

Trường THPT Krông Bông đã tiến hành công tác tự đánh giá theo quy trình gồm các bước như sau:

1. Thành lập Hội đồng Tự đánh giá.
2. Lập kế hoạch tự đánh giá.
3. Thu thập, xử lý và phân tích các minh chứng.
4. Đánh giá các mức đạt được theo từng tiêu chí.
5. Viết báo cáo tự đánh giá.
6. Công bố báo cáo tự đánh giá.
7. Nộp bản báo cáo tự đánh giá cho Sở GD&ĐT Đắk Lắk.

Hội đồng Tự đánh giá của nhà trường tiến hành công tác tự đánh giá theo phương pháp nghiên cứu văn bản, chỉ thị, cụ thể hóa phương pháp thu thập thông tin, xử lý thông tin và viết báo cáo tự đánh giá.

Xây dựng kế hoạch tự đánh giá; thu thập thông tin, minh chứng; rà soát các hoạt động giáo dục, đối chiếu, so sánh kết quả tự đánh giá với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục do Bộ GD&ĐT ban hành; đánh giá mức độ nhà trường đạt được theo từng chỉ báo của tiêu chí.

Nhà trường yêu cầu cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện kế hoạch cải tiến chất lượng phát huy các điểm mạnh, khắc phục điểm yếu đã đề ra trong Báo cáo tự đánh giá.

Hội đồng Tự đánh giá làm việc theo nguyên tắc khách quan, trung thực, công khai, minh bạch, thảo luận để đi đến thống nhất. Ở mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí đều được người phụ trách tiến hành với các bước: mô tả hiện trạng, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, tìm ra các nguyên nhân và có kế hoạch cải tiến chất lượng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục

trong thời gian tới; mỗi tiêu chuẩn, tiêu chí được thông qua khi có ít nhất 2/3 số thành viên trong Hội đồng tự đánh giá nhất trí.

Trong quá trình tự đánh giá, nhà trường có được những thuận lợi cơ bản: Hầu hết các thành viên trong Hội đồng giáo dục nhận thức đầy đủ và sâu sắc mục đích, ý nghĩa và trách nhiệm đối với công tác kiểm định chất lượng nhà trường.

Bên cạnh đó, Hội đồng Tự đánh giá cũng gặp phải những khó khăn nhất định: nhận thức của một bộ phận đội ngũ giáo viên, nhân viên về công tác kiểm định chất lượng (KĐCL) chưa cao, vẫn còn xem đó là công việc của cán bộ quản lý và Hội đồng tự đánh giá; nhà trường còn nhiều mặt hạn chế, nhiều tiêu chí nhà trường chưa đạt được và sẽ khó đạt được trong vài năm tới tạo tâm lý e ngại khi thực hiện công tác KĐCL ...

Nhận thức đầy đủ những thuận lợi và khó khăn, Hội đồng Tự đánh giá nhà trường đã nỗ lực cố gắng hoàn thành công tác tự đánh giá theo đúng kế hoạch đã đề ra.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Tổ chức và quản lý trong nhà trường là hoạt động vô cùng quan trọng quyết định sự phát triển của một nhà trường, để cho bộ máy vận hành tốt cần có sự đồng bộ, hợp lý nhà trường thực hiện tốt cơ cấu tổ chức, số lớp học, số học sinh theo chuẩn, thành lập các tổ chuyên môn theo sự phát triển của nhà trường... Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo quy định; thực hiện việc tuyển sinh, tiếp nhận, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục; quản lý, sử dụng các nguồn lực và tài chính; thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng giáo dục và các phong trào thi đua.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;[H1-1.1-01] [H1-1.1-06]

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;[H1-1.1-01]

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.[H1-1.1-03] [H1-1.1-02] [H1-1.1-06]

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.[H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] [H1-1.1-04]

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.[H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] [H1-1.1-04] [H1-1.1-06]

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển trường bằng việc tổ chức họp giao ban cán bộ cốt cán vào các ngày thứ hai đầu tuần, trong các cuộc họp hội đồng sư phạm, họp tổ chuyên môn, để triển khai tổ chức thực hiện [H1-1.1-04] [H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] [H1-1.1-07] [H1-1.1-06]

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều có rà soát bổ sung, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế xã hội, tình hình hoạt động của đơn vị và yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường, có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng [H1-1.1-01] [H1-1.1-02] [H1-1.1-03] [H1-1.1-04] [H1-1.1-06] [H1-1.1-07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn 2025, xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, tầm nhìn, sứ mạng của nhà trường, xây dựng biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn; phân công trách nhiệm cụ thể nhiệm vụ, xây dựng biện pháp thực hiện trong từng giai đoạn của nhà trường.

Nội dung các mục tiêu và giải pháp thực hiện trong kế hoạch chiến lược phát triển phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường, địa phương và mục tiêu giáo dục phổ thông.

Kế hoạch chiến lược phát triển có sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh và học sinh nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số nội dung trong kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường thực hiện còn chậm, chưa hiệu quả như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn 2030; tiến hành tham khảo rộng rãi ý kiến đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên, phụ huynh để triển khai thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường THPT Krông Bông là trường công lập, Hội đồng trường được thành lập theo đúng quy định. Nhà trường có Hội đồng thi đua-khen thưởng, hội đồng kỉ luật, hội đồng chăm đề tài, sáng kiến kinh nghiệm; hội đồng chấm thi giáo viên giỏi, hội đồng chấm thi sáng tạo khoa học kĩ thuật (KHKT) và các hội đồng khác theo đúng quy định tại Điều lệ trường trung học [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02] ; [H1-1.2-06]

Hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đúng theo quy định [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02];

Các hoạt động của các hội đồng định kì được thực hiện rà soát đánh giá [H1-1.2-04]; [H1-1.2-01]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-05];

Mức 2:

Các hội đồng hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.2-01] [H1-1.2-02] [H1-1.2-03] [H1-1.2-04] [H1-1.2-05] [H1-1.2-06] [H1-1.2-07]

2. Điểm mạnh

Hội đồng trường và các hội đồng khác được thành lập đúng cơ cấu, thành phần theo quy định tại Điều lệ trường trung học. Các Hội đồng hoạt động hiệu quả, đúng chức năng, nhiệm vụ, góp phần tích cực vào công tác giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Một số hội đồng chưa phát huy hết vai trò, chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các hội trường và các hội đồng khác trong nhà trường.

Thường xuyên tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung các thành viên theo yêu cầu nhiệm vụ được phân công, đúng thành phần theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hàng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức đúng theo quy định [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.4-02]; [H1-1.3-05]; [H1-1.4-04];.

Các đoàn thể và tổ chức khác đều hoạt động theo quy định của pháp luật, điều lệ của từng tổ chức nhằm thực hiện các mục tiêu chung của nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Hàng năm, các hoạt động của các đoàn thể và tổ chức khác được rà soát, đánh giá, sơ kết, tổng kết [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-06]; ; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.3-07] [H1-1.3-09] [H1-1.3-16]

Mức 2:

Đảng bộ trường THPT Krông Bông có cơ cấu tổ chức, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đảng bộ nhà trường hiện nay có 47 đảng viên trong đó có 04 cán bộ quản lý; 40 giáo viên (01 là DTTS) [H1-1.3-04]; [H1-1.3-06]. [H1-1.3-09] [H1-1.3-10] [H1-1.3-11] [H1-1.3-13] [H1-1.3-14]

Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường [H1-1.2-04]; [H1-1.2-05]; ; [H1-1.4-05].

Mức 3:

Từ năm 2017 đến nay, Đảng bộ có 4 năm đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh, có 02 năm Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-13] [H1-1.3-15] [H1-1.3-16]

Hàng năm, Đảng bộ đều xây dựng nghị quyết để thực hiện nhiệm vụ chính trị tại đơn vị và xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh. Đảng bộ giữ vai trò lãnh đạo thực hiện đường lối, chủ trương, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao về các mặt công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể [H1-1.3-01] [H1-1.3-04] [H1-1.3-05] [H1-1.3-06] [H1-1.3-07] [H1-1.3-15] [H1-1.3-16] [H1-1.3-12]

Các tổ chức, đoàn thể đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.3-04] [H1-1.3-07] [H1-1.3-08] [H1-1.3-16] [H1-1.3-15]

2. Điểm mạnh

Trường có cơ cấu bộ máy tổ chức đồng bộ. Đảng bộ và các tổ chức đoàn thể hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo đúng quy định.

Đảng bộ thực hiện tốt vai trò hạt nhân lãnh đạo đơn vị; các tổ chức, đoàn thể khác trong nhà trường tích cực, chủ động, sáng tạo, đóng góp tích cực vào việc thực hiện mục tiêu chung của nhà trường.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức, đoàn thể nhiều lúc vẫn còn chông chéo, chưa nhịp nhàng, đồng bộ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nâng cao hơn nữa vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng, phát huy tính năng động, sáng tạo của các tổ chức, đoàn thể khác trong nhà trường.

Xây dựng các kế hoạch phối hợp hoạt động của các tổ chức, đoàn thể trong thực hiện nhiệm vụ chung của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Về cơ cấu, nhà trường có hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng theo quy định: có 01 Hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng [H1-1.4-01].

Nhà trường có 09 tổ chuyên môn, 01 tổ văn phòng. Mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó được hiệu trưởng bổ nhiệm trên cơ sở giới thiệu của tổ vào đầu các năm học; cơ cấu tổ chức

của tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện theo đúng quy định [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03]; [H1-1.4-09].

Hàng năm, trên cơ sở kế hoạch hoạt động của nhà trường, các tổ đều xây dựng kế hoạch hoạt động, thực hiện đầy đủ các loại hồ sơ sổ sách theo quy định [H1-1.4-04] [H1-1.4-05] [H1-1.4-06] [H1-1.4-07] [H1-1.4-08] [H1-1.4-09]

Mức 2:

Hàng năm, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục; các tổ chuyên môn đã đề xuất và xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện ít nhất 01 chuyên đề [H1-1.4-04] [H1-1.4-05] [H1-1.4-06] [H1-1.4-07]

Hàng tháng, các tổ sinh hoạt theo đúng quy định nhằm rà soát, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ [H1-1.4-04] [H1-1.4-05] [H1-1.4-07] [H1-1.4-08] [H1-1.4-09]

Mức 3:

Hoạt động của các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường [H1-1.4-05]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-08]; [H1-1.4-09].

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học của nhà trường [H1-1.4-07]; [H1-1.4-04]; [H1-1.4-05]; [H1-1.4-08].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng và số lượng phó hiệu trưởng theo quy định; hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng đều đạt trên chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; Đạt chuẩn về trình độ lý luận chính trị; có năng lực quản lý tốt. Các tổ có kế hoạch hoạt động và thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ theo qui định.

Các tổ chuyên môn đã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các chuyên đề đáp ứng được yêu cầu hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Số lượng các chuyên đề còn ít, chất lượng một số chuyên đề chưa cao.

Nội dung sinh hoạt chuyên môn của các tổ, nhóm chuyên môn còn nặng về hình thức, thủ tục hành chính.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường số lượng, nâng cao chất lượng các chuyên đề dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu nội dung bài học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp; lớp học đ ược tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Căn cứ vào số lượng học sinh nhà trường đã biên chế các lớp học cụ thể:

Năm học 2020-2021: 41 lớp trong đó: 12 lớp 10, 15 lớp 11, 14 lớp 12 [H1-1.5-06] [H1-1.5-07] [H1-1.5-08]

Trong tuần lễ sinh hoạt học đường đầu năm, giáo viên chủ nhiệm triển khai cho học sinh học tập nội quy và hướng dẫn bầu ban cán sự lớp, mỗi lớp đã bầu ra 1 lớp trưởng, 2 lớp phó (phó học tập, phó lao động hoặc văn thể); mỗi lớp được chia thành 4 tổ, mỗi tổ có 1 tổ trưởng và 1 tổ phó [H1-1.5-03] [H1-1.5-04] [H1-1.5-02]

Nhà trường đã thực hiện cho các lớp học theo nguyên tắc tự quản dân chủ, do học sinh thành lập ở từng lớp, dưới sự hướng dẫn của nhà trường, giáo viên chủ nhiệm. Ban cán sự lớp được thành lập theo một quy trình dân chủ, tự nguyện phục vụ lợi ích học tập, giáo dục cho chính mình. Phát huy quyền làm chủ trong quá trình học tập, giáo dục. Học sinh có điều kiện hiểu rõ quyền và trách nhiệm trong môi trường giáo dục, được rèn các kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng tham gia, hợp tác trong các hoạt động ở lớp, trường [H1-1.5-04] [H1-1.5-03] [H1-1.5-02]

Mức 2:

Hàng năm, trường THPT Krông Bông có biên chế không quá 45 lớp. Mỗi lớp không quá 45 học sinh theo đúng quy định về số lượng học sinh trên lớp học [H1-1.5-06] [H1-1.5-07] [H1-1.5-08]

Mức 3:

Tổng số học sinh toàn trường trong năm học 2020-2021 có 1507 học sinh, được biên chế 41 lớp học, trung bình 37 học sinh/lớp [H1-1.5-06] [H1-1.5-07] [H1-1.5-08]

2. Điểm mạnh

Trường THPT Krông Bông có đầy đủ các lớp của cấp học trung học phổ thông, gồm lớp 10, lớp 11, lớp 12 theo đúng quy định.

Nhà trường đã thực hiện đúng theo quy định: Tổ chức học sinh theo các khối lớp học, các lớp học có ban cán sự lớp.

Nhà trường đã thực hiện tốt nguyên tắc tự quản, dân chủ ở mỗi lớp.

Hàng năm, số lớp được duy trì ổn định. Sĩ số học sinh các lớp đảm bảo đúng theo quy định.

3. Điểm yếu

Tinh thần tự quản của Ban cán sự một số lớp chưa thật sự hiệu quả.

Số lượng học sinh chuyển trường đi học nơi khác còn nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm các lớp xây dựng Ban tự quản lớp học hoạt động hiệu quả hơn.

Xây dựng, nâng cao chất lượng giáo dục hai mặt của nhà trường, tạo sự tin tưởng cho phụ huynh và học sinh yên tâm học tập tại trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

- a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;
- b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;
- c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

- a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hồ sơ, văn bản của nhà trường được lưu trữ đầy đủ, khoa học theo quy định của Luật Lưu trữ [H1-1.6-01] [H1-1.6-02] [H1-1.6-03] [H1-1.6-07] [H1-1.6-10]

Hàng năm, nhà trường đều lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định [H1-1.6-02] [H1-1.6-03] [H1-1.6-05] [H1-1.6-06] [H1-1.6-09] [H1-1.6-08]

Công tác công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định [H1-1.6-11] [H1-1.6-09] [H1-1.6-17] [H1-1.6-06]

Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, hàng năm được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-04] [H1-1.6-12]

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính và tài sản đảm bảo: Đúng mục đích, đạt hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục của nhà trường [H1-1.6-08] [H1-1.6-09] [H1-1.6-11] [H1-1.6-13] [H1-1.6-14] [H1-1.6-15] [H1-1.6-16] [H1-1.6-17]

Mức 2:

Nhà trường cũng đã ứng dụng các phần mềm vào quản lý tài chính, quản lý hành chính và quản lý tài sản của nhà trường: Trường thực hiện công tác quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh bằng phần mềm Cơ sở dữ liệu ngành, quản lý tài chính theo phần mềm MISA, quản lý điểm và nhân sự bằng phần mềm SMAS, quản lý tài sản bằng phần mềm QLTS.VN, quản lý ngân hàng đề thi và trộn đề thi bằng phần mềm SmartTest, quản lý và sắp xếp thời khóa biểu bằng phần mềm TKB, tăng cường hiệu quả chỉ đạo bằng cách sử dụng hộp mail cá nhân, mail báo cáo công tác [H1-1.6-01] [H1-1.6-02] [H1-1.6-03] [H1-1.6-08] [H1-1.6-13] [H1-1.6-14]

Tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán [H1-1.6-17] [H1-1.6-16] [H1-1.6-14] [H1-1.6-13] [H1-1.6-11] [H1-1.6-09] [H1-1.6-06] [H1-1.6-05]

Mức 3:

Lãnh đạo nhà trường thường xuyên kiểm tra đánh giá hiện trạng nhà trường và từ đó có những báo cáo, tờ trình, kiến nghị, đề nghị lên các cấp có thẩm quyền về việc hỗ trợ, bổ sung cơ sở vật chất, các thiết bị hỗ trợ dạy và học trong chương trình giáo dục của nhà trường [H1-1.6-01]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ sổ sách theo quy định, lưu trữ, bảo quản, ghi chép đầy đủ những nội dung theo yêu cầu từ đó tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý.

Trong quản lý, nhà trường nhà trường cũng đã mạnh dạn áp dụng những biện pháp để cải cách hành chính, cải thiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học.

Nhà trường luôn công khai, minh bạch các khoản thu, chi theo quy định.

3. Điểm yếu

Cơ sở vật chất, bàn ghế học sinh đã sử dụng nhiều năm nên hay hỏng phải thường xuyên sửa chữa. Một số thiết bị hư hỏng, hết hạn sử dụng nhưng chưa kịp thời thanh lý, tiêu hủy.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị với Sở GD&ĐT tiếp tục hỗ trợ, tăng cường cơ sở vật chất cho nhà trường để cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh có môi trường giáo dục tốt hơn.

Tăng cường các nguồn hỗ trợ của phụ huynh, các nguồn xã hội hóa giáo dục để đảm bảo các điều kiện đảm bảo tốt hơn cho việc dạy và học của nhà trường.

Thường xuyên thống kê, kiểm kê tài sản theo qui định; kịp thời thanh lý, tiêu hủy những thiết bị hư hỏng, hết hạn sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường để lập danh sách quy hoạch đi học sau đại học nộp về sở Giáo dục và Đào tạo; nhà trường đã xây dựng kế hoạch, đề ra các biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường [H1-1.7-06] [H1-1.7-07] [H1-1.7-04]

Cán bộ, giáo viên và nhân viên được tạo điều kiện tham gia các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, được tạo điều kiện để tham gia giảng dạy hoặc giáo dục học sinh [H1-1.7-01] [H1-1.7-04] [H1-1.7-05] [H1-1.7-06] [H1-1.7-07]

Nhà trường phân công công tác, bố trí sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên rõ ràng, hợp lý và mang lại hiệu quả [H1-1.7-01] [H1-1.7-02] [H1-1.7-04] [H1-1.7-05] [H1-1.7-06]

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định. Được hưởng đầy đủ tiền lương và phụ cấp theo quy định, được chăm sóc sức khỏe theo chế độ, chính sách và các quyền khác theo quy định của pháp luật [H1-1.7-03] [H1-1.7-04]

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có các biện pháp tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống cho đội ngũ cán bộ, giáo viên và nhân viên [H1-1.7-01]; [H1-1.7-04].

Bồi dưỡng, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý; xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đảm bảo về chất lượng, thực hiện nghiêm túc quy chế chuyên môn, nâng cao chất lượng dạy học [H1-1.7-01]; [H1-1.7-02]; [H1-1.7-04];[H1-1.7-05] [H1-1.7-06]

Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Tiến hành kiểm tra, giám sát, đôn đốc, khen thưởng kịp thời cán bộ, giáo viên, nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.7-01] [H1-1.7-03] [H1-1.7-04] [H1-1.7-05] [H1-1.7-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường quan tâm đến việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ giáo viên, nhân viên; phân công sử dụng đội ngũ hợp lý, hiệu quả; thực hiện đầy đủ các quyền, chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ giáo viên, nhân viên.

3. Điểm yếu

Phân công chuyên môn và một số công tác khác đôi khi chưa hợp lý, chưa phù hợp với năng lực sở trường của từng người.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục bố trí, sắp xếp giáo viên, nhân viên theo đúng vị trí việc làm.

Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

- a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;
- b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;
- c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-02] [H1-1.8-04] [H1-1.8-06]

Nhà trường tổ chức thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục đã xây dựng [H1-1.1-01]; [H1-1.7-02].

Định kỳ hàng tháng, cuối kỳ và cuối năm, nhà trường tiến hành rà soát, đánh giá điều chỉnh kế hoạch hoạt động giáo dục [H1-1.8-02] [H1-1.8-04] [H1-1.8-06]

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường đều được Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.8-04] [H1-1.8-06]

Nhà trường xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ chuyên môn; triển khai các biện pháp quản lý chất lượng dạy học của giáo viên; tăng cường xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết; thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện chuyên đề, hội giảng; chỉ đạo bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, kiểm tra, đánh giá thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn nghiệp vụ trong nhà trường; triển khai thực hiện có hiệu quả việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh. Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá được các cấp quản lý đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-04] [H1-1.8-06]

Việc quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 5 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Quyết định 08/2013/QĐ-UBND, ngày 01/02/2013 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quy định về dạy thêm và học thêm [H1-1.8-03] [H1-1.8-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch đã xây dựng, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên cũng như các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đã thực hiện có hiệu quả các kế hoạch đã đề ra.

Công tác quản lý công tác dạy thêm học thêm được thực hiện nghiêm túc theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc khắc phục một số tồn tại sau các đợt kiểm tra đạt hiệu quả chưa cao.

Công tác kiểm tra, giám sát, duy trì sĩ số học sinh, chất lượng học thêm trong nhà trường đạt kết quả chưa như mong muốn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tích cực phối hợp, cùng lãnh đạo nhà trường chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá các hoạt động giáo dục.

Ban lãnh đạo nhà trường quyết liệt, chủ động, sáng tạo hơn trong việc cải tiến các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Nhà trường thường xuyên triển khai, quán triệt các văn bản chỉ đạo về dạy thêm, học thêm đến toàn thể cán bộ, giáo viên; tổ chức cho giáo viên ký cam kết không vi phạm quy định về dạy thêm, học thêm. Đồng thời, Ban chỉ đạo dạy thêm, học thêm tăng cường công tác kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường và phối hợp với chính quyền địa phương kiểm tra hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hàng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường theo quy định [H1-1.9-02] [H1-1.9-04] [H1-1.9-05] [H1-1.9-06]

Hàng năm, nhà trường đã tổ chức hội nghị công chức, viên chức để lấy ý kiến đóng góp về việc xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường [H1-1.9-04] [H1-1.9-05] [H1-1.9-06]

Tập thể nhà trường luôn đoàn kết, đồng lòng giúp đỡ lẫn nhau trong công việc và trong cuộc sống; vì vậy, không xảy ra mâu thuẫn, không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo của cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh. Các ý kiến, kiến nghị của cán bộ, giáo viên,

nhân viên, phụ huynh và học sinh được giải quyết kịp thời, đúng quy định [H1-1.9-02] [H1-1.9-05] [H1-1.9-06]

Mức 2:

Theo nhiệm kỳ nhà trường đã tổ chức bầu ra Ban Thanh tra nhân dân thường xuyên kiểm tra, đánh giá, báo cáo về tình hình thực hiện dân chủ tại cơ quan [H1-1.2-03]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02];[H1-1.9-06].

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả [H1-1.2-03]; [H1-1.9-01]; [H1-1.9-02];[H1-1.9-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt qui chế dân chủ ở cơ sở; không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo của CBGV-NV, phụ huynh, học sinh.

Nội bộ nhà trường đoàn kết, đồng thuận vì mục tiêu chung.

Nhà trường thực hiện tốt công tác công khai, minh bạch các khoản thu, chi theo quy định.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên, nhân viên chưa tích cực tham gia thảo luận, đóng góp, xây dựng các nghị quyết của tổ, kế hoạch của các tổ chức đoàn thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Chỉ đạo các bộ phận thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả công tác giáo dục ở nhà trường.

Động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên tích cực tham gia đóng góp xây dựng các nghị quyết, kế hoạch của các tổ chức đoàn thể, cơ quan đơn vị.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên

tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có phương án đảm bảo:

An ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-01]; [H1-1.10-02]; [H1-1.10-04];[H1-1.10-08] [H1-1.10-09]

Bếp ăn được cấp giấy chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm, được kiểm tra, đánh giá, lưu trữ thức ăn theo đúng quy định [H1-1.10-05];[H1-1.10-09]

Phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04];[H1-1.10-08].

Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03]; [H1-1.3-02];[H1-1.10-07]

Mức 2:

Nhà trường phối hợp với Ban ATGT tỉnh, Công an huyện Krông Bông, Trung tâm Y tế huyện Krông Bông tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh thực hiện phương án: Đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-01]; [H1-1.10-03]; [H1-1.10-04]; [H1-1.10-05];[H1-1.10-08] [H1-1.10-09].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự; có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả khi phát hiện có hiện tượng trên [H1-1.10-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.3-02];[H1-1.10-08].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đều xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ, phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội

An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường được đảm bảo, không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác hỗ trợ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học của các lực lượng chức năng ở địa phương đôi lúc chưa kịp thời.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường tích cực phối hợp, cùng lãnh đạo nhà trường thực hiện các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động giáo dục.

Chủ động, sáng tạo xây dựng, tổ chức thực hiện có hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và đảm bảo ANTT và AT trường học.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Cơ cấu tổ chức của nhà trường thực hiện theo quy định của Điều lệ trường trung học. Các Hội đồng nhà trường như: hội đồng giáo dục nhà trường, hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật, các tổ chuyên môn luôn phát huy vai trò, trách nhiệm làm việc công tâm mang lại hiệu quả cao.

Hiệu trưởng có những biện pháp quản lý, chỉ đạo về kiểm tra đánh giá, dạy thêm học thêm đảm bảo nguyên tắc, thể hiện tính dân chủ, công khai, toàn diện, đúng luật giáo dục phù hợp với các hoạt động thực tiễn nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đảm bảo 100% đạt chuẩn về chuyên môn đào tạo, có phẩm chất đạo đức nhà giáo, đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm cao, yêu nghề, có ý thức tự hoàn thiện để xây dựng tập thể nhà trường vững mạnh, đạt chuẩn. Học sinh đa số chăm ngoan, có ý thức học tập.

Việc đánh giá xếp loại học lực, hạnh kiểm học sinh cũng như công tác thi đua khen thưởng của nhà trường đúng quy chế, đảm bảo công khai dân chủ. Nhà trường chú trọng công tác bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. Công tác thông tin đảm bảo kịp thời.

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, giữa các tổ chức đoàn thể, chính quyền và nhân dân địa phương... để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển giáo dục của nhà trường.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường chưa đồng bộ nên còn ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học.

Giáo viên của nhà trường đa số còn trẻ, nên chưa có kinh nghiệm, chất lượng giảng dạy chưa cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Huyện Krông Bông là một huyện nghèo của tỉnh Đắk Lắk, là địa bàn sinh sống chủ yếu của các dân tộc Kinh, Êđê, Mnông và một số dân tộc thiểu số khác như Mường, Tày, Nùng, Hmông, ... Điều kiện kinh tế - xã hội của huyện còn gặp nhiều khó khăn; đa số dân cư sống bằng nghề nông, tỉ lệ hộ nghèo cao, địa bàn trải rộng việc đi lại khó khăn do đó việc học tập của học sinh trên địa bàn không được thuận lợi như ở các địa phương khác trong tỉnh. Nhưng trong những năm học qua chất lượng giáo dục của nhà trường ngày càng phát triển đạt được những thành tích cao thể hiện ở kết quả thi tốt nghiệp hàng năm, kết quả

đào tạo chất lượng mũi nhọn, kết quả thi đậu vào các trường đại học, cao đẳng. Trong những năm học vừa qua Đảng bộ nhà trường hàng năm đều được Đảng bộ huyện công nhận “Đảng bộ trong sạch vững mạnh” và “Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu”; Tập thể nhà trường những năm liên tục được Sở Giáo dục Đắk Lắk công nhận “Tập thể lao động Tiên tiến”. Đạt được những thành tích trên không thể không nhắc đến sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường, sự chỉ đạo điều hành của Ban giám hiệu nhà trường, sự đoàn kết, giảng dạy nhiệt tình của tập thể cán bộ, giáo viên và sự nỗ lực học tập và rèn luyện của học sinh.

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng nhà trường có đủ năng lực, tiêu chuẩn theo qui định. Giáo viên, nhân viên đủ về số lượng, tương đối phù hợp về cơ cấu, đạt trình độ chuẩn và hơn 7.36% đạt trình độ trên chuẩn. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được đảm bảo về chế độ chính sách theo qui định; kết quả đánh giá, xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên hàng năm 100% đạt loại khá trở lên. Học sinh của nhà trường đáp ứng các yêu cầu theo qui định của Điều lệ trường trung học và được đảm bảo các quyền theo qui định. Cụ thể như sau:

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hiện tại, nhà trường có 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng; Hiệu trưởng đang giữ chức vụ ở nhiệm kỳ thứ 1.

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đạt trình độ đào tạo 100%; trên chuẩn 1/4 đồng chí (chiếm tỷ lệ 25%); Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng có số năm dạy học trên 20 năm [H2-2.1- 01]; [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên theo Quy định chuẩn Hiệu trưởng hằng năm [H1-1.4-06].

Trong năm tính đến thời điểm được đánh giá, Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt ở mức khá trở lên [H1-1.4-06].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ quản lý theo quy định. Hiện tại, Phó Hiệu trưởng chuyên môn đã có Bằng Thạc sĩ dạy học

môn Hóa, cả Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng đã có Chứng chỉ quản lý giáo dục và một số văn bằng, chứng chỉ khác [H2-2.1-01]; [H2-2.1-04].

Mức 2:

Trong năm tính đến thời điểm được đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên [H1-1.4-06].

Hiện tại, Hiệu trưởng và 03 phó hiệu trưởng đã có Bằng Trung cấp lý luận chính trị, [H2-2.1-01]; [H2-2.1-04].

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng nhà trường có trình độ chuyên môn vững vàng, có nhiều kinh nghiệm trong công tác; nghiệp vụ quản lý tốt, được giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm cao, Sở Giáo dục và Đào tạo đánh giá tốt [H1-1.4-06]; [H2-2.1-02]; [H2-2.1-03].

Mức 3:

Trong năm tính đến thời điểm được đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều được đánh giá đạt chuẩn ở mức khá trở lên; trong đó có 04 năm được đánh giá ở mức tốt và xuất sắc [H1-1.4-06].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đạt chuẩn và trên chuẩn.

Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng có tư tưởng chính trị vững vàng; năng lực công tác tốt, có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy và quản lý; nhiệt tình, năng động, trách nhiệm cao trong công việc, được đội ngũ giáo viên, nhân viên nhà trường tín nhiệm, đánh giá cao. Hằng năm, Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng đều được Sở Giáo dục và Đào tạo xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

3. Điểm yếu

Hoạt động của một số tổ chức đoàn thể trong nhà trường chưa đều tay.

Đôi lúc Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng giải quyết sự việc còn nguyên tắc, chưa linh hoạt.

Công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường còn hạn chế do điều kiện kinh tế - xã hội địa phương là huyện nghèo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường để nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Phát huy tốt vai trò của các tổ chức đoàn thể, các tổ bộ môn trong chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 về việc hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập và các quy định khác. Hiện nay, nhà trường có 85 giáo viên/41 lớp, tỷ lệ 2.07 (giáo viên/lớp) đủ số lượng và cơ cấu đảm bảo để dạy các môn học theo quy định [H1-1.7-02].

Đến thời điểm hiện tại 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định; trong đó có 7/85 giáo viên (chiếm tỷ lệ 8.23%) có trình độ đào tạo trên chuẩn, gồm: 07 thạc sĩ và có 03 giáo viên đang đi học thạc sĩ [H1-1.7-02]; [H2-2.1-04].

Hàng năm, nhà trường có 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên và trên 98% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.4-06].

Mức 2:

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo của nhà trường luôn được duy trì ổn định và tăng dần hàng năm theo lộ trình [H1-1.7-02]; [H2-2.1-04].

Năm học 2020 -2021 có 07 giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo; trong đó có 03 giáo viên đang đi học Thạc sĩ .

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt và trên 98% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên [H1-1.4-06].

Hàng năm, nhà trường đều tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh [H5-5.4-02]; [H5-5.4-04].

Trong năm vừa qua, nhà trường có học sinh tham gia Cuộc thi KHKT cấp tỉnh và đạt được thành tích cao: đạt 01 giải nhất cấp tỉnh, 01 giải ba cấp tỉnh [H1-1.1-05].

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá nhà trường không có giáo viên nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.1-02].

Mức 3:

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có trên 98% giáo viên đạt chuẩn nghề ở mức khá trở lên và có trên 79% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt [H1-1.4-06].

Trong năm qua, nhà trường có nhiều giáo viên đạt kết quả cao trong hội thi viết sáng kiến kinh nghiệm cấp tỉnh:

Năm học 2020-2021 có 24 đề tài đạt giải cấp tỉnh [H1-1.1-05]; [H5-5.1-12].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên theo quy định; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo qui định trở lên, trong đó trên chuẩn chiếm tỉ lệ 8.23%; giáo viên được phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn được đào tạo.

Đội ngũ giáo viên nhà trường năng nổ, nhiệt tình, tâm huyết với nghề nghiệp, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng. Hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Nhà trường còn thiếu cục bộ giáo viên ở một số bộ môn .

Một số giáo viên chưa quyết tâm đổi mới phương pháp dạy học; ý thức tự bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chưa cao.

Một số giáo viên làm công tác chủ nhiệm chưa thật tận tâm trong việc giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống cho học sinh;

Một số giáo viên có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và công việc còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tham mưu cho Sở Giáo dục và Đào tạo tuyển dụng bổ sung giáo viên các bộ môn còn thiếu.

Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên thông qua sinh hoạt tổ chuyên môn, thao giảng, dự giờ, đánh giá giờ dạy và qua các đợt bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, các khoá học do các cấp tổ chức.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả công tác tự bồi dưỡng hằng năm cho cán bộ, giáo viên nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

- a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;
- b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;
- c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;
- b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
- b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Số lượng nhân viên của nhà trường đảm bảo theo quy định, đáp ứng các nhiệm vụ được giao [H1-1.7-02].

Toàn bộ nhân viên được phân công công việc phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực thực tế của mỗi người [H2-2.2-01]; [H2-2.1-04].

Nhân viên của nhà trường luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao [H2-2.1-02]; [H2-2.3-01].

Mức 2:

Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GDĐT hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập. Trong đó, Kế toán: 01; Văn thư - thủ quỹ: 01; Thư viện: 01; Thiết bị thí nghiệm: 01; Y tế học đường: 01; Bảo vệ: 02; Tạp vụ: 01 [H1-1.7-02].

Trong năm tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có bất kỳ nhân viên nào bị kỷ luật [H2-2.1-02]; [H2-2.3-01].

Mức 3:

Trình độ đào tạo của nhân viên đảm bảo theo quy định:

Đồng chí Kế toán có Bằng cử nhân ngành Kế toán, chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng;

Nhân viên Văn thư - Thủ quỹ có Bằng cử nhân ngành Kế toán, Bằng nghề đào tạo Văn thư - đánh máy;

Nhân viên Thư viện có trình độ Cao đẳng ngành Thông tin thư viện;

Nhân viên thiết bị, thí nghiệm có Bằng tốt nghiệp Đại học ngành Sư phạm Vật lí, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ công tác thiết bị dạy học;

Nhân viên Y tế học đường có trình độ Trung cấp chuyên nghiệp ngành Y, Bằng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp Y sỹ,... [H1-1.7-02]; [H2-2.1-04].

Hàng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí được phân công.

2. Điểm mạnh

Có đủ các vị trí việc làm theo quy định; nhân viên làm việc đúng chuyên môn, nghiệp vụ, có trách nhiệm với công việc, có kế hoạch cụ thể, đáp ứng được yêu cầu hoạt động của nhà trường.

Nhà trường luôn đảm bảo các quyền, chế độ chính sách cho nhân viên theo quy định. Kịp thời động viên, khuyến khích, khen thưởng nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Việc tuân thủ giờ giấc làm việc của một số nhân viên chưa nghiêm túc. Chất lượng, hiệu quả công việc của một số nhân viên ở một số thời điểm chưa cao.

Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một vài nhân viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện để nhân viên được bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

Động viên về tinh thần, hỗ trợ thêm về vật chất để nhân viên yên tâm công tác.

Thường xuyên kiểm tra tiến độ, chất lượng, quy trình công việc để uốn nắn, quan tâm, khen thưởng kịp thời.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh tuyển vào trường đảm bảo quy định về độ tuổi. Hàng năm, nhà trường tổ chức xét tuyển học sinh vào lớp 10 theo đúng chỉ tiêu và các quy định về tuổi học sinh tại các khoản 2, 3, 4 Điều 37 của Điều lệ trường trung học và theo quy định của pháp luật [H2-2.4-01].

Vào đầu năm học mới, nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt tập thể đầu năm để triển khai các nhiệm vụ, phổ biến các quyền và nghĩa vụ của học sinh đến toàn thể học sinh trong trường. Ngoài ra, thông qua các tiết chào cờ đầu tuần, tiết sinh hoạt chủ nhiệm, cũng như các hoạt động sinh hoạt tập thể để nhắc nhở các em chấp - hành tốt nề nếp, nội quy nhà trường [H1-1.7-05]; [H1-1.5-02]; [H2-2.4-02]; [H2-2.4-03].

Học sinh được bảo đảm các quyền theo quy định như: Được tôn trọng, bảo vệ, đối xử bình đẳng; được hưởng thụ giáo dục toàn diện, được bảo đảm những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập; được cung cấp thông tin về việc học tập, được sử dụng trang thiết bị, phương tiện phục vụ các hoạt động học tập, văn hóa, thể thao; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu, được giáo dục kỹ năng sống; được quyền khiếu nại, chuyển trường khi có lý do chính đáng; được hưởng các chế độ chính sách theo quy định; được khen thưởng nếu có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện [H5-5.5-01]; ; [H2-2.4- 07]; ; [H2-2.4-03]; [H2-2.4-06].

Mức 2:

Thông qua nhiều kênh thông tin khác nhau, nhà trường đã phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm của học sinh [H1-1.5-02].

Khi phát hiện học sinh có biểu hiện vi phạm các hành vi không được làm nhà trường đã tổ chức giáo dục học sinh bằng nhiều hình thức, tùy theo mức độ vi phạm của học sinh [H1-1.5-02]; [H2-2.4-04].

Kết quả sau khi được nhà trường giáo dục, đa số học sinh có chuyển biến tích cực [H2-2.4-05]; [H2-2.4-09].

Mức 3:

Năm học 2020-2021, em Trịnh Trần Gia Bảo - lớp 12A6 và em Võ Thị Tường Vân – lớp 10A2 đạt giải nhất cuộc thi sáng tạo KHKT cấp tỉnh. Em Trần Trương Như Ý và em Đỗ Thị Ánh Liễu – lớp 11A14 đạt giải ba cuộc thi sáng tạo KHKT cấp tỉnh. Em Trịnh Thị Thúy Nga lớp 11A11, em Lê Hoàng Thu An lớp 12A6 và em Đinh Thị Na lớp 11A14 đạt giải khuyến khích học sinh giỏi cấp tỉnh.,

Trong nhiều năm liên tục, nhà trường luôn có nhiều học sinh giỏi văn hoá cấp tỉnh, Olympic 10/3, đạt nhiều thành tích cao trong Cuộc thi sáng tạo khoa học kỹ thuật; đạt nhiều giải cao, huy chương trong các hội thi học sinh giỏi TDTT, Hội khoẻ phù đồng và Hội thao Quốc phòng - An ninh [H2-2.4-04]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Học sinh nhà trường có truyền thống ngoan, hiền, lễ phép, kính trọng thầy cô giáo; khắc phục khó khăn cố gắng vươn lên học tập.

Tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập và rèn luyện của học sinh tốt.

Trong những năm qua, học sinh nhà trường đạt nhiều thành tích cao trong các cuộc thi, hội thi văn hoá, văn nghệ, TDTT,... do các cấp tổ chức.

3. Điểm yếu

Còn một số học sinh vi phạm nội quy nhà trường, Điều lệ Trường THPT, quy tắc ứng xử văn hoá trong nhà trường, vi phạm Luật Giao thông đường bộ.

Kết quả học tập của một bộ phận học sinh còn thấp, trong đó có đối tượng học sinh là người dân tộc thiểu số đời sống kinh tế - văn hoá - xã hội còn nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục tăng cường công tác giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục kỹ năng sống; giáo dục ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật cho học sinh.

Thực hiện tốt công tác tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, giáo dục hướng nghiệp, giáo dục tinh thần khởi nghiệp, tư duy khởi nghiệp cho học sinh;

Phát huy vai trò đội ngũ giáo viên chủ nhiệm lớp, phân công, bố trí giáo viên chủ nhiệm hợp lý nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh.

Tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp dạy học; triển khai công tác kiểm tra đánh giá hướng tới phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng của nhà trường đạt các yêu cầu theo quy định, có đủ sức khỏe, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực và trình độ chuyên môn nghiệp vụ; năng động, sáng tạo và có nhiều thành tích trong công tác được cấp trên ghi nhận, tập thể cán bộ giáo viên tin nhiệm. Hiện nay, 1/4 đồng chí trong Ban giám hiệu đã đạt trình độ trên chuẩn.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường đủ về số lượng, cơ cấu, 100% bộ giáo viên đều đạt trình độ chuẩn đào tạo, trong đó có 07 giáo viên trên chuẩn và 03 giáo viên đang theo học thạc sỹ. Giáo viên, nhân viên của nhà trường đoàn kết, nhiệt tình trong công tác, thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và được đảm bảo quyền lợi theo quy định.

Học sinh của nhà trường chăm ngoan, tích cực trong học tập và rèn luyện. Khắc phục khó khăn của huyện nghèo vươn lên trong học tập đạt nhiều thành tích được huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo ghi nhận.

Một số giáo viên còn chưa có nhiều kinh nghiệm trong dạy học, quản lý giáo dục học sinh. Một số giáo viên lớn tuổi ngại đổi mới phương pháp dạy học, việc tiếp thu ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế đã ảnh hưởng không ít đến chất lượng giáo dục.

Vẫn còn có một số học sinh thực hiện chưa tốt các nội quy, quy định trong nhà trường về ngôn ngữ ứng xử, trang phục, chấp hành Luật giao thông đường bộ.

Công tác chuyên môn nghiệp vụ, quản lý hồ sơ và trang thiết bị của một số giáo viên cũng như nhân viên văn phòng chưa thật khoa học.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất trường học là hệ thống các phương tiện vật chất và kỹ thuật cần thiết được cán bộ quản lý, giáo viên và học sinh sử dụng để hoạt động dạy và học, giáo dục nhằm

đạt được mục tiêu đề ra. Nó bao gồm cả các đồ vật, những cửa cái vật chất xung quanh nhà trường, gồm nhà cửa (phòng học, phòng thí nghiệm, phòng bộ môn, nhà đa năng...) sân chơi, các đồ dùng dạy học...

Cùng với sự phát triển của kinh tế- xã hội, phát triển khoa học kỹ thuật và yêu cầu về đổi mới giáo dục đào tạo với nhu cầu của xã hội về việc đào tạo con người ngày càng cao, yêu cầu con người phát triển toàn diện, hài hoà, đáp ứng yêu cầu phát triển của công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, thì CSVC của trường học ngày càng phong phú, phức tạp và nhiều mặt. CSVC trường học có vai trò rất quan trọng là yếu tố tác động trực tiếp đến quá trình giáo dục, góp phần vào quyết định chất lượng của nhà trường. Vì vậy trong nhiều năm qua, nhà trường đã quan tâm đến việc xây dựng CSVC nhà trường và đã đạt được một số yêu cầu tối thiểu nhất định nhằm nâng cao chất lượng dạy học phục vụ đổi mới giáo dục trong tình hình hiện nay.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

- a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;
- b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;
- c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường được quy hoạch tổng thể và xây mới nên đảm bảo đủ điều kiện phục vụ cho các hoạt động dạy và học. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-02].

Nhà trường có cổng, biển tên trường, tường, hàng rào bao quanh theo quy định. [H3-3.1-03].

Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường hơn 2,4 ha. Cây xanh trong trường được trồng theo quy hoạch để đảm bảo có bóng mát, mỹ quan và có đủ diện tích sân bãi tập sân tập thể dục cho học sinh; được chăm sóc tốt đảm bảo xanh, sạch, đẹp, thoáng mát. Nhà trường thường xuyên làm tốt công tác bảo vệ, tu bổ cơ sở vật chất; công tác vệ sinh lớp học, sân chơi, nhà vệ sinh và khuôn viên được thực hiện hàng ngày đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp. [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Khu sân chơi, bãi tập của nhà trường có diện tích đảm bảo theo quy định.[H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 2:

Sân chơi, nhà đa năng đảm bảo chất lượng, vệ sinh, thẩm mỹ và đảm bảo diện tích học tập bộ môn Thể dục, Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Tổng diện tích mặt bằng của nhà trường là 24.270,3m². Đảm bảo diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi bãi tập có diện tích hơn 45% tổng diện tích sử dụng của trường [H3-3.1-02]; [H3-3.1-01]; [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có diện tích khuôn viên rộng, thoáng; có đầy đủ hệ thống tường rào, cổng, biển trường, sân chơi bãi tập cho HS theo quy định của Điều lệ trường Trung học phổ thông, phục vụ cho việc giảng dạy, học tập của GV và HS.

- Cây xanh tạo bóng mát, đồng thời tạo cho quang cảnh nhà trường ngày một đẹp hơn.

- Trường có đầy đủ các hạng mục, diện tích đáp ứng theo quy định chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường làm tốt công tác vệ sinh, bảo vệ cơ sở vật chất, chăm sóc cây xanh tạo môi trường xanh, sạch, đẹp.

3. Điểm yếu

- Thiết bị dạy học thực hành còn thiếu, chưa đồng bộ, thiếu phòng học bộ môn.

- Khu sân chơi, bãi tập tuy rộng, nhưng có một số phần diện tích bề mặt còn gồ ghề, một số chỗ đọng nước về mùa mưa ảnh hưởng không tốt đến việc tập luyện thể dục, thể thao.

- Sân tập cho môn thể dục và GDQP-AN chất lượng chưa cao.

- Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng bị hạn chế do hệ thống sân chơi, bãi tập chất lượng chưa cao; các điều kiện trang thiết bị học tập bộ môn Thể dục và GDQP còn ít, chưa đa dạng.

- Các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cũng bị hạn chế do hệ thống sân chơi, bãi tập không được tách thành khu riêng biệt, ảnh hưởng đến các hoạt động giáo dục chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Cần đầu tư xây dựng thêm phòng bộ môn, bổ sung dụng cụ thí nghiệm thực hành đồng bộ. Có kế hoạch cải tạo lại mặt sân khu vực sân thể dục tránh gồ ghề ảnh hưởng đến việc học tập.

- Tiếp tục làm tốt công tác chăm sóc bồn hoa cây cảnh, tạo môi trường luôn sạch đẹp, thân thiện. Phát động phong trào lao động công trình, để các lớp thường xuyên chăm sóc cây cảnh, nhằm tô thêm vẻ đẹp của nhà trường.

- Tiếp tục kiến nghị sửa chữa sân tập được tốt hơn, đầu tư trang thiết bị đồng bộ cho bộ môn thể dục và GDQP.

- Tăng cường giáo dục học sinh ý thức bảo vệ của công, giữ gìn vệ sinh chung, trồng và chăm sóc cây xanh, xây dựng cảnh quan nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp; thường xuyên rà soát, tu bổ, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất; trồng thêm và thay thế cây xanh sao

cho đảm bảo mỹ quan và có hiệu quả che bóng mát để đảm bảo an toàn cho học sinh học thể dục, GDQP và đáp ứng tốt các hoạt động giáo dục khác của nhà trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có bốn dãy khối phòng học gồm 41 phòng học có đầy đủ bàn ghế, đảm bảo ánh sáng, có bảng chống lóa và đảm bảo các điều kiện phục vụ dạy và học [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02].

- Nhà trường có tương đối đầy đủ phòng bộ môn gồm: phòng thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học, thực hành Tin học đúng tiêu chuẩn quy định [H3-3.2-03].

- Nhà trường có phòng hoạt động Đoàn, thư viện và phòng truyền thống khang trang sạch đẹp, đáp ứng được nhu cầu sử dụng của học sinh và giáo viên.

Mức 2:

- Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh [H3-3.2-01]; [H3-3.2-03].

- Phòng học bộ môn được xây dựng theo chuẩn quy định có trang thiết bị đồ dùng đầy đủ phục vụ cho những môn học đặc thù đáp ứng được nhu cầu trong quá trình dạy và học để nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có đủ phòng bộ môn: phòng thí nghiệm Vật lý, Hóa học, Sinh học, phòng thực hành Tin học, đúng tiêu chuẩn quy định [H3-3.2-03].

Các phòng học cơ bản có đầy đủ cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho việc dạy và học [H3-3.2-02].

2. Điểm mạnh

Có đủ số phòng học và bàn ghế cho học 01 ca/ngày. Phòng học có đủ điều kiện về ánh sáng, đảm bảo diện tích cho học sinh. Có thư viện riêng đạt chuẩn theo quy định.

Có phòng truyền thống để trưng bày các hiện vật đánh dấu quá trình xây dựng và phát triển của nhà trường.

Một số phòng học được trang bị đầy đủ các thiết bị hỗ trợ dạy học như Ti vi 55 in.

Phòng học bộ môn có đầy đủ các trang thiết bị thiết yếu phục vụ học tập.

3. Điểm yếu

Còn thiếu phòng học bộ môn, thiếu máy tính dạy tin học, thiết bị các phòng học và phòng bộ môn chưa đồng bộ, một số thiết bị đã xuống cấp hiệu quả sử dụng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Sử dụng hiệu quả hơn nữa các phòng chức năng, phòng thực hành thí nghiệm.

Tăng cường giáo dục ý thức bảo vệ của công, giữ gìn vệ sinh chung; tập huấn bồi dưỡng giáo viên sử dụng thiết bị dạy và học, tăng cường khai thác hiệu quả thiết bị hiện đại, tích cực đổi mới phương pháp dạy và học, nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học.

Đề xuất: Tiếp tục trang bị các thiết bị hỗ trợ dạy học cho các lớp còn thiếu, tăng cường đầu tư trang thiết bị cho các phòng học bộ môn ngoại ngữ.

Xây dựng kế hoạch, từng bước trang bị các thiết bị dạy học cho các phòng học và phòng bộ môn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;
- b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;
- c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có các phòng phục vụ học tập: Thư viện, Đoàn; Thiết bị, Y tế và nhà hiệu bộ. Có máy tính, máy in phục vụ công tác quản lý và giảng dạy. Hệ thống máy tính được nối mạng internet phục vụ hoạt động giáo dục [H3-3.1-03], [H3-3.2-03], [H3-3.5-07].

Nhà để xe cho cán bộ giáo viên, học sinh được xây dựng ở các vị trí thích hợp, đảm bảo diện tích sử dụng và được bảo vệ an toàn [H3-3.4-01].

Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính – quản trị [H3-3.3-02], [H3-3.5-01], [H3-3.5-02].

Mức 2:

Nhà trường hiện có 04 dãy khối nhà phục vụ học tập; 03 khối phòng làm việc đảm bảo quy định gồm: phòng Hiệu trưởng, các phòng phó hiệu trưởng, phòng văn thư, phòng kế toán - thủ quỹ, phòng tiếp công dân + Công đoàn, phòng Đoàn Thanh niên, phòng truyền thống, thư viện - phòng đọc, phòng chờ của cán bộ, giáo viên; phòng y tế, phòng tổ chuyên môn; các phòng đảm bảo diện tích và đều được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ công việc [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ thiết bị được sắp xếp hợp lý khoa học đảm bảo đủ điều kiện phục vụ công tác.

2. Điểm mạnh

Trường có đủ các phòng hành chính có trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý và giảng dạy, có máy vi tính phục vụ cho công tác quản lý và dạy học và hệ thống mạng phục vụ tốt cho giáo viên và học sinh trong việc nghiên cứu và học tập trên mạng internet. Cán bộ GV-CVN biết sử dụng và khai thác hiệu quả thông tin trên mạng Internet phục vụ việc dạy học và học sinh biết cách tra cứu mạng internet. Trường luôn bổ sung máy tính, máy in kịp thời phục vụ cho công tác quản lý và công tác giảng dạy.

3. Điểm yếu

Diện tích các nhà xe còn nhỏ chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tận dụng tối đa cơ sở vật chất sẵn có để làm việc, sử dụng hiệu quả hơn nữa cơ sở vật chất trong các phòng phục vụ tốt cho công việc.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có các công trình vệ sinh cho cán bộ giáo viên, CNV và học sinh được xây dựng ở các vị trí phù hợp với cảnh quan và thuận tiện. Các phòng vệ sinh thường xuyên sạch sẽ và đảm bảo an toàn vệ sinh nơi công cộng [H3-3.4-01].

Nguồn nước sinh hoạt của cán bộ giáo viên nhân viên và học sinh đảm bảo đáp ứng được nhu cầu sử dụng, nước uống đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng hằng năm. Hệ thống thoát nước xây dựng đầy đủ cho việc thoát nước [H3-3.4-03].

Nhà trường đã hợp đồng với nhân viên phục vụ và công trình đô thị về làm vệ sinh và thu gom rác thải, môi trường trường học luôn sạch đẹp [H3-3.4-03].

Mức 2:

Nhà trường có hệ thống công trình vệ sinh cho giáo viên, nhân viên, học sinh, đảm bảo tính riêng biệt, thuận lợi, an toàn và đảm bảo vệ sinh, có vị trí phù hợp với cảnh quan trường học. Đảm bảo thuận tiện đáp ứng nhu cầu cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường theo quy định [H3-3.1-03].

Trường có hệ thống công rãnh thoát nước mưa, không để nước ứ đọng xung quanh trường lớp; có hệ thống thoát nước riêng cho khu vệ sinh, bố trí đủ các phương tiện, dụng cụ có nắp đậy để phân loại, chứa đựng rác tạm thời trong nhà trường, các phương tiện, dụng cụ thuận tiện cho việc làm vệ sinh và khử trùng [H3-3.4-02], [H3-3.4-03], [H3-3.5-04].

2. Điểm mạnh

Nhà trường mới được sửa chữa cải tạo lại đường thoát nước, các khu vệ sinh được cải tạo mới. Nhà vệ sinh luôn sạch sẽ, đảm bảo an toàn vệ sinh. Đảm bảo nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng.

3. Điểm yếu

Khu tập kết rác chưa phân loại được, việc thu gom rác còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Phát huy lợi thế để xây dựng nhà trường thân thiện, sạch đẹp, phát huy tốt những CSVCS đã có. Phân loại, thu gom rác theo quy định.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

- a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;
- b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;
- c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định.[H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Hàng năm, nhà trường đều thực hiện kiểm kê, sửa chữa. [H3-3.5-02]; .

Mức 2:

Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học [H3-3.5-07]; [H3-3.5-08].

Có đủ thiết bị dạy học theo quy định. [H3-3.5-01]; [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03].

Hàng năm, nhà trường bổ sung các thiết bị dạy học và các thiết bị dạy học tự làm phục vụ công tác giảng dạy. [H3-3.5-02]; [H3-3.5-05].

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. [H3-3.5-02]; [H3-3.5-03]; [H3-3.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ thiết bị dạy học phục vụ giảng dạy và học tập theo quy định. Giáo viên tích cực sử dụng thiết bị dạy học, ứng dụng công nghệ thông tin trong các giờ dạy. Nhà trường làm tốt công tác quản lý, bảo quản và bổ sung thiết bị dạy học hàng năm.

3. Điểm yếu

Một số thiết bị phục vụ thí nghiệm được trang bị chưa đồng bộ. Đồ dùng dạy học tự làm còn ít.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Hàng năm, tăng cường nâng cấp, bảo dưỡng thiết bị dạy học và mua sắm bổ sung dụng cụ thí nghiệm, thiết bị dạy học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

Đẩy mạnh phong trào tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện được đầu tư trang thiết bị chuyên dụng tương đối đầy đủ như: tủ mục lục để tra cứu sách, máy vi tính, bàn ghế đọc sách của học sinh và giáo viên, có đủ giá để xếp sách [H3-3.6-04] . Hiện nay, thư viện có hơn 4000 cuốn sách các loại bao gồm: sách tham khảo, sách nghiệp vụ, sách giáo khoa, sách pháp luật [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06].

Có nhân viên chuyên trách được đào tạo về công tác thư viện; việc xây dựng kế hoạch hoạt động [H3-3.6-02], quản lý, sắp xếp, phục vụ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-07]; [H3-3.6-08].

Hàng năm, thư viện được kiểm kê và mua sắm bổ sung sách, tài liệu tham khảo, các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu giáo viên, học sinh trong nhà trường [H3-3.6-05]; [H3-3.6-06]; [H3-3.6-09].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên [H3-3.6-01].

Mức 3:

Hiện nay, thư viện của nhà trường chưa đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên mặc dù hệ thống máy tính của thư viện đã được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường được trang bị nhiều loại sách báo, tạp chí, nhiều đầu sách tham khảo, sách nghiệp vụ, sách giáo khoa, sách pháp luật,... đáp ứng được nhu cầu tra cứu và nghiên cứu của giáo viên, học sinh trong trường.

Có nhân viên chuyên trách thư viện được đào tạo đúng chuyên môn; có hệ thống máy tính nối mạng Internet phục vụ cho giáo viên và học sinh. Hằng năm, thư viện đều được kiểm kê đầy đủ và mua sắm bổ sung thêm sách, báo theo quy định.

3. Điểm yếu

Hàng năm, thư viện được bổ sung sách, tạp chí, tài liệu tham khảo nhưng số lượng đầu sách chưa phong phú, đa dạng.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên học hỏi, trao đổi kinh nghiệm với các thư viện trường bạn, thư viện tỉnh để nâng cao chất lượng và hiệu quả trong công tác quản lý và phục vụ bạn đọc nhằm đáp ứng yêu cầu đề ra.

Tiếp tục ưu tiên dành thêm nguồn kinh phí để mua sắm bổ sung thêm các đầu sách tham khảo.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Diện tích khuôn viên trường học được đảm bảo và các yêu cầu về xanh, sạch, đẹp, thoáng mát, tương xứng với cảnh quan sư phạm.

Cơ sở vật chất tương đối đầy đủ, đáp ứng được nhu cầu dạy học của nhà trường.

Thư viện đạt chuẩn, đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Giáo viên tự làm đồ dùng dạy học, sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học một cách hiệu quả.

Khôi phòng, trang thiết bị văn phòng phục vụ công tác quản lý, dạy và học theo quy định của Điều lệ trường trung học.

Công tác xây dựng cơ sở vật chất nhà trường chưa theo kịp nhu cầu phát triển và đổi mới giáo dục.

Một số điểm yếu nhà trường cần có kế hoạch đầu tư xây dựng: Xây thêm phòng học bộ môn để phục vụ nhu cầu đổi mới dạy học. Thư viện cần bổ sung đầu sách, xây dựng thư viện điện tử cho học sinh; bổ sung trang thiết bị dạy học còn thiếu, dụng cụ thí nghiệm chưa đồng bộ.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

+ Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

+ Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: 5/6 (4/5) tiêu chí chiếm 83.4 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Làm tốt công tác tham mưu, phối hợp với các cấp chính quyền, các cơ quan, nhân dân địa phương, vận động được sự giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân và xây dựng được Ban

đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hữu hiệu là một trong những nhiệm vụ hết sức cần thiết của nhà trường. Đó là một trong những giải pháp không chỉ giúp nhà trường thực hiện tốt xã hội hóa giáo dục mà còn là cơ sở để nhà trường gắn việc hoạt động dạy học với các hoạt động thực tiễn trong đời sống xã hội, nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho học sinh. Với nhận thức đó, nhà trường đã chú trọng việc xây dựng mối Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

- a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;
- b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh: Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh; Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh; Các biên bản họp cha mẹ học sinh của lớp; Biên bản họp Hội Cha mẹ học sinh; Báo cáo hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh; Biên bản kiểm tra hoạt động của Ban đại diện Cha mẹ học sinh của Sở Giáo dục; Quyết định thành lập Ban đại diện cha mẹ học sinh. [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp. [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-01]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh định kì đầu năm, cuối học kì I và đầu học kì II ở tất cả các lớp; hình thức họp phụ huynh được cải tiến nên đã tạo được mối quan hệ gắn kết giữa cha mẹ - các con - thầy, cô giáo;

Các lớp đều có Ban đại diện học sinh, Ban đại diện CMHS của các lớp được bầu trên cơ sở tự nguyện của phụ huynh và thống nhất cao của Chi hội CMHS. Ban chấp hành CMHS của trường có đủ thành viên Ban đại diện CMHS các lớp..

Ban đại diện CMHS trường trong những năm qua là những người nhiệt tình có tinh thần trách nhiệm cao, đã làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục trong nhà trường; kết hợp tốt giữa gia đình, nhà trường và xã hội, đặc biệt trong việc giáo dục đạo đức học sinh và tổ chức hỗ trợ học sinh yếu kém, học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn vượt khó trong học tập và bồi dưỡng học sinh giỏi.

Đa số giáo viên phối hợp hiệu quả với phụ huynh trong các hoạt động giáo dục của nhà trường, GVCN thông qua mạng xã hội Zalo, Facebook lập các nhóm liên lạc, trao đổi kịp thời các thông tin liên quan đến học sinh. Ngoài ra, tỉ lệ học sinh có đăng kí sổ liên lạc điện tử rất cao, năm sau tăng hơn năm trước. Nhiều giáo viên có các biện pháp giáo dục học sinh rất hiệu quả thể hiện ở tỉ lệ học sinh chăm ngoan, duy trì sĩ số...

3. Điểm yếu

Kế hoạch phối hợp của nhà trường với Ban đại diện CMHS chưa cụ thể ở các chỉ tiêu như vận động học sinh yếu học phụ đạo, liên lạc thường xuyên giữa hội CMHS với nhà trường chưa hiệu quả.

Một số phụ huynh chưa quan tâm đến việc học tập và rèn luyện của con em thường xuyên vắng họp, ít hoặc không chủ động liên lạc với GVCN về các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện của con em mình; Còn phụ huynh phó mặc con em mình cho nhà trường, không phối hợp tích cực với nhà trường trong việc giáo dục học sinh.

Vẫn còn giáo viên nhất là GVCN ít quan tâm đến học sinh nhất là sự phát triển tâm lí học sinh nên số học sinh học yếu, học sinh mãi chơi thậm chí lao vào tình yêu khác giới quá sớm đã làm mất cơ hội học tập của các em.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Để công tác phối hợp giáo dục học sinh giữa nhà trường và cha mẹ học sinh hiệu quả cần:

Nhà trường xây dựng kế hoạch phối hợp cụ thể, trong đó Ban đại diện các Chi hội CMHS sẽ đảm nhận công tác tuyên truyền cho phụ huynh của chi hội mình các kế hoạch giáo dục của nhà trường, các chính sách học sinh được hưởng; đồng thời kịp thời nắm bắt các vấn đề nảy sinh của học sinh khi ở nhà để phối hợp với giáo viên và nhà trường.

GVCN tăng cường trao đổi, nắm bắt thông tin từ phía học sinh và phụ huynh để có những biện pháp giáo dục thích hợp và điều chỉnh kịp thời các kế hoạch giáo dục của lớp.

Động viên học sinh, phụ huynh đăng kí sử dụng sổ liên lạc điện tử để liên hệ giữa phụ huynh, nhà trường và học sinh được kịp thời.

GVCN chủ động thông qua mạng xã hội Zalo, Facebook lập các nhóm liên lạc để phụ huynh trao đổi thông tin với phụ huynh và phối hợp hiệu quả.

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục giá trị sống kĩ năng sống phù hợp để học sinh thấy được " Mỗi ngày đến trường là một ngày vui"

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường: [H4-4.2-02]; [H4-4.1-02]; [H4-4.1-03]; [H4-4.1-04]; [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]

Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường: [H4-4.2-02]; [H4-4.2-07]; [H4-4.2-02]

Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định. [H4-4.2-05].

Mức 2:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. [H4-4.2-02]; [H4-4.2-07];

Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương. [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07].

Các kế hoạch phối hợp tuyên truyền pháp luật, giáo dục đạo đức lối sống cho học sinh.

Các kế hoạch phối hợp với chính quyền địa phương, kế hoạch phối hợp giữa Đoàn thanh niên trường với Huyện đoàn và Đoàn các xã thị trấn trong việc ra quân làm sạch môi trường, cam kết đảm bảo ANTT và ATGT...

Hồ sơ chuyên sinh hoạt hè về địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03]; [H4-4.2-04]; [H4-4.2-05]; [H4-4.2-06]; [H4-4.2-07].

2. Điểm mạnh

Trong những năm học vừa qua, nhà trường luôn chủ động xây dựng và gửi cấp trên kế hoạch phát triển nhà trường. Nhà trường tích cực huy động quỹ hội CMHS để khen thưởng học sinh tiên tiến, học sinh giỏi và kinh phí tổ chức các hoạt động ngoại khóa của học sinh

Trường THPT Krông Bông là trung tâm tổ chức các hoạt động sinh hoạt truyền thống, văn hóa của Huyện đoàn Krông Bông: Lễ tuyên dương sinh viên 3 Tốt, Ngày hội tư vấn tuyển sinh của Huyện...

Nhà trường được chính quyền địa phương quan tâm, tạo điều kiện để thực hiện các hoạt động giáo dục của mình.

Ban giám hiệu chủ động tham mưu và xây dựng kế hoạch quyền góp ủng hộ từ nhiều nguồn. Mỗi năm, tặng hàng trăm suất học bổng cho học sinh thuộc các đối tượng khác nhau. Khen thưởng, động viên kịp thời những học sinh có thành tích cao và học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên học tốt hơn. Đồng thời giúp đỡ nhiều học sinh yếu thế không phải bỏ học giữa chừng.

Phát huy tốt vai trò cựu học sinh, nhà trường có hội cựu học sinh nên việc liên lạc với cựu học sinh diễn ra thường xuyên do vậy thu hút được sự giúp đỡ của lực lượng này. Trong năm học 2020 - 2021 đã huy động quỹ học bổng, quỹ đóng góp cơ sở vật chất gần 300 triệu đồng/

Hàng năm có nhiều học sinh được tặng học bổng Vừ A Dính, ...

Tổ chức tuyên dương học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập, tuyên dương học sinh xuất sắc là cán bộ Đoàn, cán bộ lớp; tuyên dương học sinh đạt giải cao trong các kì thi HSG trong các dịp lễ và ngày tổng kết năm học.

3. Điểm yếu

Krông Bông là huyện nghèo nên việc huy động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp hỗ trợ còn hạn chế.

Nhận thức về xã hội hóa giáo dục của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn về xã hội hóa giáo dục chưa toàn diện vì vậy chưa huy động được nguồn lực vật chất để xây dựng nhà trường.

Ban đại diện CMHS chưa chủ động trong công tác nên việc tham mưu cho hoạt động giáo dục của nhà trường chưa hiệu quả.

Việc chăm sóc di tích lịch sử, chăm sóc mẹ Việt Nam Anh hùng, chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ và các hoạt động xã hội khác chưa thường xuyên, chưa thu hút nhiều học sinh tham gia.

Việc tổ chức ngoại khóa cho học sinh còn gặp khó khăn về thời gian do học sinh học 2 buổi/ngày, dịch bệnh covid 19.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2021-2022 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng nhà trường tiếp tục tăng cường công tác tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục và kế hoạch xây dựng và phát triển nhà trường; vận động tạo quỹ học bổng ổn định để hỗ trợ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Đoàn trường sắp xếp thời gian để thực hiện tốt việc chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Từ năm học 2021-2022, Hiệu trưởng nhà trường có kế hoạch trẻ hóa lực lượng Ban đại diện cha mẹ học sinh để đáp ứng yêu cầu công việc; kiện toàn ban đại diện CMHS

Tăng cường công tác hội cựu học sinh, đồng viên cựu học sinh chia sẻ tài chính, tinh thần cho các em đang học vượt khó.

Giao cho đoàn thanh niên tuyên truyền, vận động bằng nhiều hình thức như thông qua mạng xã hội, trang Web của nhà trường huy động các nguồn lực vật chất từ cựu học sinh, thành lập Ban liên lạc cựu học sinh nhà trường.

Lập sổ vàng truyền thông ghi lại các đóng góp về CSVC, tài chính của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đối với nhà trường và học sinh nhà trường.

BGH nhà trường chủ động trong công tác phối hợp giữa nhà trường với các tổ chức, đoàn thể ở địa phương, công tác xã hội hóa, tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân để trang bị cơ sở vật chất góp phần thực hiện hiệu quả kế hoạch giáo dục.

Từ năm học 2020-2021, nhà trường cần thường xuyên, chủ động hơn trong việc phối hợp với chính quyền địa phương tạo môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn cho học sinh. Tiếp tục duy trì tham mưu và tranh thủ sự ủng hộ của các đoàn thể trong và ngoài nhà trường, tăng cường các nguồn lực để xây dựng CSVC nhà trường ngày một hoàn thiện.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Nhà trường xây dựng được mối quan hệ tích cực, hiệu quả giữa các lực lượng giáo dục, các tổ chức đoàn thể, nhân dân địa phương Ban giám hiệu nhà trường thường xuyên kết hợp Ban đại diện cha mẹ học sinh để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện, tạo điều kiện để Ban đại diện CMHS làm việc theo đúng Điều lệ do Bộ GD&ĐT ban hành.

Luôn chủ động tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc huy động nguồn lực, ủng hộ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nâng cấp xây dựng cảnh quan môi trường; khuyến học, khuyến tài.

Có sự phối hợp với các Đoàn thể trong và ngoài nhà trường để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục.

Công tác xã hội hóa để huy động nguồn lực xây dựng CSVC và hỗ trợ học bổng cho học sinh chưa nhiều.

Kế hoạch giáo dục truyền thống và lịch sử, văn hoá dân tộc chưa đa dạng, phong phú.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Hoạt động giáo dục là nhiệm vụ trung tâm của nhà trường, vì vậy trường đã quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội dung dạy học và các hoạt động giáo dục theo Chỉ thị của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở GD&ĐT Tỉnh Đắk Lắk. Qua mỗi học kì, mỗi năm học đều được đánh giá, rút kinh nghiệm và đã đạt một số kết quả khá toàn diện.

Nhà trường nghiêm túc thực hiện chương trình, kế hoạch năm học và những quy định về chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá, phát huy tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh. Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và phụ đạo học sinh yếu luôn được nhà trường quan tâm và đạt được kết quả nhất định. Các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, các trò chơi dân gian thường xuyên được tổ chức tạo không khí vui tươi, sôi nổi trong các dịp kỷ niệm những ngày lễ trong năm. Công tác giáo dục, rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức..., ý thức chấp hành Luật giao thông, ý thức bảo vệ môi trường, vệ sinh trường lớp, nơi công cộng được nhà trường tuyên truyền, phổ biến, được nhà trường vận dụng vào các tiết học.

Căn cứ chương trình giáo dục và biên chế năm học, nhà trường xây dựng kế hoạch và thời khoá biểu để điều hành hoạt động dạy và học, xây dựng kế hoạch năm học của BGH, tổ chuyên môn, tổ văn phòng, các tổ chức đoàn thể, các cá nhân một cách khoa học phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và thực hiện kế hoạch dạy học đúng theo qui định.

Trong những năm qua, trường THPT Krông Bông đã hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, giữ vững chất lượng của trường, các chỉ tiêu đặt ra đều đạt và vượt, thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các hoạt động giáo dục và tổ chức thực hiện tốt chủ đề của từng năm học.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;
- b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;
- c) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5-5.1-01]

Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn.[H5-5.1-06]

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả như: Xây dựng ma trận đề cho tất cả các bài kiểm tra, xây dựng ngân hàng câu hỏi trên phần mềm chuyên dụng cho làm đề thi trắc nghiệm, tiến hành kiểm tra tập trung tất cả các môn theo đề chung, đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá theo tinh thần đổi mới của Bộ theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh, tăng cường câu hỏi mở, câu hỏi thực tế...[H5-5.1-01]

Mức 2:

Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh.[H5-5.1-02]; [H5-5.1-06]

Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện. Công tác phát hiện và bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh có năng khiếu văn nghệ, thể dục thể thao... được nhà trường hết sức chú trọng. Trong các năm học nhà trường đã tổ chức nhiều hoạt động thi chọn đội tuyển học sinh giỏi các môn để dự thi học sinh giỏi tỉnh, học sinh giỏi quốc gia. Kết quả đã có nhiều em học sinh được chọn vào đội tuyển quốc gia và đạt giải, nhiều em đạt giải cấp tỉnh...[H5-5.1-09]

Nhà trường đẩy mạnh hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học kỹ thuật, tham gia cuộc thi cấp cụm, cấp tỉnh, cấp quốc gia về KHKT [H5-5.5-02]

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh. [H5-5.1-07]

2. Điểm mạnh

Thực hiện tốt kế hoạch giảng dạy và học tập từng môn học theo quy định.

Hàng tháng rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch thời gian năm học, kế hoạch giảng dạy và học tập.

Đã ứng dụng CNTT tương đối tốt vào việc quản lý cũng như giảng dạy và đánh giá kiểm tra.

3. Điểm yếu

Giáo viên trẻ, giáo viên là nữ chiếm số lượng đông, đang trong độ tuổi sinh đẻ nên nghỉ hộ sản nhiều, việc bố trí chuyên môn và thay đổi giáo viên trên lớp làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy.

Nhiều GV chưa thực hiện tốt về CNTT; Trang thiết bị CNTT còn thiếu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý và điều hành, dạy học. Nhà trường phấn đấu trong năm học tới sẽ lắp đặt đủ Tivi màn hình lớn trên các phòng học để việc ứng dụng CNTT trong dạy học tốt hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hàng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

2. Điểm mạnh

Đầu năm học nhà trường tổ chức kiểm tra chất lượng, tuyển chọn học sinh giỏi, rà soát, phân loại, học sinh học lực yếu, kém và có các biện pháp giúp đỡ học sinh vươn lên trong học tập.

Có học sinh đạt giải trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

Lãnh đạo thường xuyên rà soát, tìm hiểu, góp ý với giáo viên dạy các lớp có học sinh yếu kém để có biện pháp giảng dạy phù hợp và hiệu quả hơn.

3. Điểm yếu

Vẫn còn có rất nhiều học sinh yếu, học sinh có ý thức học tập kém vì nhiều lý do: mất kiến thức cơ bản, ham chơi với bạn bè, mê trò chơi điện tử, hoàn cảnh gia đình, cách giáo dục của gia đình chưa phù hợp, nên khó giúp đỡ toàn bộ học sinh có học lực yếu, kém phấn đấu vươn lên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiến hành kiểm tra đánh giá chất lượng đầu năm học để phân loại học sinh, giáo viên giao bài tập thích hợp cho từng đối tượng học sinh.

Tổ chức bồi dưỡng cho học sinh yếu, kém có hiệu quả.

Giáo viên chủ nhiệm nắm rõ hoàn cảnh gia đình và năng lực học tập của từng học sinh để có kế hoạch cụ thể trong công tác chủ nhiệm lớp học.

Quyết tâm không để học sinh ngồi nhầm lớp, nhất là những học sinh không có ý thức phấn đấu, lười biếng, ý thức kỷ luật kém;

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch. Tuy nhiên mới thực hiện tốt ở môn Lịch sử và Địa lí. Còn các môn khác chưa thực hiện được.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.[H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]

Hàng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn [H5-5.3-01] [H5-5.3-02] [H5-5.3-03]

2. Điểm mạnh

Có thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo các khối lớp. Khối 12: 2 tiết/học kỳ; Khối 10,11: 1 tiết/học kỳ.

3. Điểm yếu

Chưa đánh giá cụ thể. Nhiều môn chưa đưa nội dung này vào giảng dạy lồng ghép vào các môn học, chất lượng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng thêm các chủ đề dạy học liên quan lịch sử địa phương, trong đó chú trọng các môn xã hội như Văn, Sử, Địa, GDCD.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

Nhà trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương theo kế hoạch góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả.

Hằng năm, nhà trường đã rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.[H5-5.4-01] [H5-5.4-02] [H5-5.4-03]

Tổ chuyên môn biên soạn nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học, phù hợp với năng lực tiếp thu và vận dụng của từng đối tượng học sinh. Giáo viên chú trọng đổi mới phương pháp nhằm gắn lý luận với thực tiễn.

Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.[H5-5.4-01]

2. Điểm mạnh

Có kế hoạch tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch.

Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

3. Điểm yếu

Đội ngũ phụ trách công tác hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp ít về số lượng và chưa được đào tạo, tập huấn về chuyên môn; Giáo án, bài giảng, các thiết bị hỗ trợ chưa đảm bảo chất lượng. Hoạt động trải nghiệm mới triển khai từ đầu HKII ở một số môn chưa tạo được hiệu ứng lan tỏa trong học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị với cấp trên về việc cần thiết phải mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho đội ngũ phụ trách công tác hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; Chuẩn hóa bộ tài liệu, trang bị cơ sở vật chất cho công tác giáo dục .

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn để giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và tuyên thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

- a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;
- b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương.

Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục.

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện.

Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức Cuộc thi ý tưởng sáng tạo khoa học, kỹ thuật cho toàn thể học sinh trong trường nhằm chọn ra được những ý tưởng hay, có tính sáng tạo và có tính khả thi cao đưa vào triển khai thực hiện để tham gia Cuộc thi cấp tỉnh. Nhà trường phân công những giáo viên có kinh nghiệm, có tâm huyết hướng dẫn các em học sinh từ ý tưởng triển khai thực hiện thành đề tài nghiên cứu khoa học [H5-5.5-02]; [H5-5.4-04].

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, kỹ thuật theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn. Năm học 2020-2021 có 03 dự án thi cấp tỉnh, 1 dự án đạt giải nhất, 1 dự án đạt giải ba. [H5-5.5-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường luôn nhận thức được tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, đặc biệt là trong giai đoạn hiện nay.

Thực hiện đầy đủ các nội dung và đúng kế hoạch đã đề ra theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Sở Bộ Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk.

Trường có kế hoạch cho từng hoạt động ngoài giờ lên lớp cụ thể, rõ ràng, hình thức sinh hoạt phong phú.

Hầu hết học sinh tích cực tham gia hiệu quả các hoạt động.

3. Điểm yếu

Đội ngũ phụ trách công tác giáo dục kỹ năng sống ít về số lượng và chưa được đào tạo, tập huấn về chuyên môn; Giáo án, bài giảng, các thiết bị hỗ trợ chưa đảm bảo chất lượng.

Còn một số học sinh vi phạm luật giao thông, đi xe gắn máy đến trường khi chưa đủ tuổi, ... văn hóa ứng xử còn hạn chế.

Việc giáo dục kỹ năng phòng chống đuối nước cho học sinh còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Kiến nghị với cấp trên về việc cần thiết phải mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn cho đội ngũ phụ trách công tác giáo dục kỹ năng sống; Chuẩn hóa bộ tài liệu, trang bị cơ sở vật chất cho công tác giáo dục kỹ năng sống.

Phối hợp với các cơ quan chuyên môn để giáo dục và tư vấn về sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục về giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh.

Kết hợp công an giao thông xử lý các trường hợp đi xe máy đến trường; Xây dựng các câu lạc bộ sở thích với các nội dung sinh hoạt có chiều sâu hơn.

Tăng cường việc giáo dục kỹ năng đuối nước cho học sinh thông qua tích hợp trong môn Thể dục ở trường.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;
- c) Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;
- b) Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

- a) Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh: - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học

cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém. - Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học. - Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên;

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: - Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học. - Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.[H5-5.1-11]

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.[H5-5.6-01]

Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.

Mức 2:

Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực sau nhiều năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá. [H5-5.1-11]

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.

Mức 3:

Nhà trường có đủ hệ thống hồ sơ quản lý theo quy định của Điều lệ trường trung học, Kế hoạch năm học của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được lưu trữ đầy đủ; Nhà trường xây dựng đủ kế hoạch chuyên môn theo quy định, có kiểm tra, đánh giá, rà soát việc thực hiện các kế hoạch.

Nhà trường thực hiện tốt công tác bồi dưỡng HSG, dạy nghề phổ thông, tổ chức tốt các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, chất lượng mũi nhọn và chất lượng hai mặt giáo dục luôn duy trì ổn định và ngày càng nâng lên.

Nhà trường đang từng bước dạy học theo hướng tích cực, lấy học sinh làm trung tâm, nhằm hình thành khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh việc dạy kiến thức, nhà trường chú trọng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, chú trọng việc trang bị kỹ năng sống cho học sinh. Bước đầu cũng gặp khó khăn nhất định nhưng tập thể sư phạm từng bước khắc phục.

Nhà trường giúp học sinh bước đầu có niềm đam mê nghiên cứu sáng tạo khoa học, kỹ thuật dưới sự hướng dẫn của thầy, cô và chuyên gia khoa học tư vấn và đã có những thành công nhất định.

Một bộ phận nhỏ học sinh chưa cố gắng trong học tập nên có học lực xếp loại yếu, kém; hàng năm số lượng học sinh bỏ học và chuyển đi học nghề còn cao.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Hàng năm, tỉ lệ học sinh xếp loại trung bình trở lên và tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt trên 90%. Kết quả này phản ánh đúng thực trạng dạy và học của nhà trường. Tỉ lệ học sinh tốt nghiệp THPT hàng năm cao hơn mức trung bình chung của tỉnh [H5-5.6-01]

Tỷ lệ học sinh xếp loại khá chiếm khoảng trên 30% hàng năm [H5-5.6-03]

Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của nhà trường hàng năm đạt trên 10%. [H5-5.6-03]

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban: không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban [H5-5.6-03]

2. Điểm mạnh

Ban giám hiệu có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, sáng tạo, từng bước đổi mới để nâng cao chất lượng giáo dục. Giáo viên nhà trường có tinh thần đoàn kết, vượt khó để hoàn thành nhiệm vụ.

Nhà trường có đội ngũ giáo viên trẻ yêu nghề, không ngừng tự học tự rèn, từng bước đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng dạy và học.

Chất lượng mũi nhọn duy trì, giữ vững qua các năm.

Nhà trường tham dự các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh và đạt giải cao.

Không có học sinh bị truy cứu trách nhiệm hình sự, học sinh bị đình chỉ học. Tỉ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt rất cao.

3. Điểm yếu

Chất lượng đầu vào còn thấp nên học sinh có học lực yếu kém còn chiếm tỷ lệ cao. Điều kiện học tập của học sinh còn gặp nhiều khó khăn do ở vùng sâu, vùng xa, kinh tế chậm phát triển.

Còn một số học sinh cá biệt, ý thức chấp hành kỷ luật kém nên vẫn có học sinh yếu kém về hạnh kiểm.

Còn một số học sinh thiếu ý thức trong học tập nên kết quả chưa cao. học sinh bỏ học, lưu ban còn nhiều.

Một số phụ huynh học sinh chưa quan tâm đúng mức đến việc học hành của con em, thiếu sự quản lý, giáo dục trong thời gian ở nhà.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Có kế hoạch phân loại học sinh, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu, chú trọng phụ đạo học sinh khối 12 nâng cao tỷ lệ thi tốt nghiệp, đại học, cao đẳng.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, tích cực triển khai bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên nhà trường, trong đó chú trọng bồi dưỡng năng lực đạo đức cùng với phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán.

Nhà trường tăng cường giáo dục ý thức tổ chức kỷ luật và đạo đức cho học sinh;

Tạo những sân chơi lành mạnh, bổ ích để học sinh tham gia nhằm hạn chế tác động của môi trường xã hội đến với học sinh.

Có kế hoạch và biện pháp ôn tập thêm cho học sinh yếu để các em nắm vững kiến thức hơn.

Giáo viên chủ nhiệm cần bám sát lớp hơn nữa, tìm hiểu tâm tư nguyện vọng của học sinh, động viên những em có hoàn cảnh khó khăn về vật chất, tinh thần giúp các em có điều kiện học tập.

Quan tâm đặc biệt đối với các em học sinh là người dân tộc thiểu số như: tạo điều kiện cho các em ở khu nội trú, cấp phát chế độ theo quyết định 12, hỗ trợ gạo, .. để giảm bớt khó khăn, tạo bầu không khí cởi mở, hòa đồng để các em hòa nhập với lớp.

5. Tự đánh giá: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Trong những năm qua, nhà trường thực hiện đúng và đủ theo kế hoạch thời gian năm học của Sở, UBND tỉnh, Bộ Giáo dục ban hành, không ngừng đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém, đặc biệt là học sinh dân tộc thiểu số ở khu bán trú. Kết quả xếp loại giáo dục 2 mặt hằng năm đáp ứng được mục tiêu phát triển giáo dục.

Nhà trường phối hợp với các ban ngành, Đoàn thể địa phương tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trải nghiệm sáng tạo, ngày chủ nhật xanh, hoạt động tình nguyện, dọn vệ sinh môi trường ... được học sinh tích cực hưởng ứng tham gia và đều đạt giải cao.

Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống thông qua việc dạy học ngoài giờ lên lớp, hướng nghiệp, có kế hoạch cho học sinh tham gia các hoạt động dọn vệ sinh trường lớp, bảo vệ môi trường. Phối hợp với Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện dạy nghề phổ thông cho học sinh, kết quả tham gia học nghề đạt 100%.

Các hoạt động giáo dục của nhà trường tuy có kế hoạch rõ ràng, thực hiện nghiêm túc nhưng chất lượng và hiệu quả chưa cao: tỷ lệ học sinh đậu tốt nghiệp hằng năm chưa ổn định, học sinh bỏ học còn chiếm tỷ lệ cao so với các trường THPT trong tỉnh, học sinh lưu ban nhiều.

Chưa phát huy thế mạnh và có kế hoạch thực hiện tốt nội dung giáo dục địa phương theo quy định của Bộ Giáo dục.

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %

+ Đạt Mức 3: 6/6 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 3: Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 4: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

- 1. Mô tả hiện trạng**
- 2. Điểm mạnh**
- 3. Điểm yếu**
- 4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**
- 5. Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Tiêu chí 6: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và công đồng ghi nhận.

1. **Mô tả hiện trạng**
2. **Điểm mạnh**
3. **Điểm yếu**
4. **Kế hoạch cải tiến chất lượng**
5. **Tự đánh giá:** Không đạt

Kết luận:

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Phần III. KẾT LUẬN CHUNG

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

- + Không đạt: 0/28 tiêu chí chiếm 0 %
- + Đạt Mức 1: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 2: (28/28) (28/28) tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt Mức 3: (27/28) (19/20) tiêu chí chiếm 96.5 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

- + Không đạt: 6/6 tiêu chí chiếm 100 %
- + Đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KRÔNG BÔNG tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

....., ngàytháng năm 20.....

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV
PHỤ LỤC